

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019	10
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2019	11 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Ninh Thuận trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2019 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận (sau đây viết tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành viên do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp;

Mã số doanh nghiệp 4500140073, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 1996, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12 tháng 5 năm 2017.

Vốn điều lệ : 1.729.907.238.845 Đồng

Chủ sở hữu : Ủy ban nhân dân Tỉnh Ninh Thuận

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Hoạt động thủy lợi công ích và ngoài công ích

Trụ sở chính

Địa chỉ : 144 Đường 21 tháng 8, Phường Phước Mỹ, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

Điện thoại : (0259) 3823 338

Fax : (0259) 3825 500

Mã số DN : 4 5 0 0 1 4 0 0 7 3

CHỦ TỊCH CÔNG TY, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Chủ tịch Công ty

Ông Tạ Minh Nghĩa Nhiệm kỳ 05 năm từ 01/5/2017 đến 30/4/2022

Ban Kiểm soát

1. Ông Đỗ Ngọc Thoại Kiểm soát viên chuyên trách
2. Bà Trần Thị Phước Tuyền Kiểm soát viên không chuyên trách

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc

1. Ông Phạm Ngọt Phó Giám đốc phụ trách - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
2. Ông Hoàng Văn Hùng Phó Giám đốc
3. Ông Nguyễn Văn Bội Phó Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/06/2019)
4. Ông Lê Phạm Hòa Bình Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TPHCM thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 32.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế sẽ được phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phân đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2019 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty 



Phó Giám đốc phụ trách - Phạm Ngọt

Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, ngày 20 tháng 3 năm 2020

Số: 1908.05/2020/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ 2019 kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận, được lập ngày 20 tháng 3 tháng 2020, từ trang 07 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán (tiếp theo)

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính đính kèm đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Giám đốc – Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0486-2018-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2020

Kiểm toán viên – Lê Hồng Long

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0786-2018-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		60.384.297.029	33.341.196.374
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		49.626.578.843	22.811.565.297
111	1. Tiền	V.1	1.626.578.843	1.811.565.297
112	2. Các khoản tương đương tiền		48.000.000.000	21.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.643.050.687	10.238.918.350
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	10.385.891.780	10.074.487.459
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	35.672.123	24.057.765
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	50.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	221.486.784	90.373.126
140	IV. Hàng tồn kho		57.039.976	64.859.972
141	1. Hàng tồn kho	V.5	57.039.976	64.859.972
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		57.627.523	225.852.755
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6	49.203.016	53.123.334
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.7	8.424.507	172.729.421
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.060.069.165.195	2.057.885.038.278
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		2.059.809.424.805	2.057.626.995.417
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	2.059.809.424.805	2.057.626.995.417
222	- Nguyên giá		2.124.350.722.375	2.120.921.095.237
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(64.541.297.570)	(63.294.099.820)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		259.740.390	258.042.861
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9	259.740.390	258.042.861
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.120.453.462.224	2.091.226.234.652

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
 Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		33.174.920.023	20.476.759.667
310	I. Nợ ngắn hạn		33.174.920.023	20.476.759.667
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	7.081.183.058	10.232.753.637
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	1.196.845.493
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	1.017.295.142	135.655.092
314	4. Phải trả người lao động	V.12	3.823.890.031	3.319.134.150
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	19.674.011.527	36.300.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	1.081.805.651	148.307.448
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.15	496.734.614	5.407.763.847
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.087.278.542.201	2.070.749.474.985
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.16	2.087.278.542.201	2.070.749.474.985
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.16.1	2.068.288.720.920	2.063.731.273.746
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	V.16.2	994.921.818	2.122.741.854
421	3. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.16.3	17.963.628.391	4.864.188.313
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		4.864.188.313	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		13.099.440.078	4.864.188.313
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	V.16.4	31.271.072	31.271.072
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.120.453.462.224	2.091.226.234.652

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc phụ trách



Phạm Ngọt

Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.17	81.036.721.767	71.586.839.688
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		81.036.721.767	71.586.839.688
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.18	62.664.506.278	61.778.529.918
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.372.215.489	9.808.309.770
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.19	2.017.431.413	1.111.927.033
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.20	5.693.707.967	5.888.425.276
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.695.938.935	5.031.811.527
31	11. Thu nhập khác	VI.21	341.837.114	351.976.377
32	12. Chi phí khác	VI.22	36.395.483	9.333.230
40	13. Lợi nhuận khác		305.441.631	342.643.147
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.001.380.566	5.374.454.674
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.23	1.901.940.488	510.266.361
60	16. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		13.099.440.078	4.864.188.313

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc phụ trách

Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước



Phạm Ngọt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		83.235.323.100	74.018.126.257
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(31.844.800.749)	(36.180.162.505)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(19.323.968.715)	(20.384.673.702)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.11	(850.000.000)	(472.294.010)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		17.421.518.293	1.787.556.030
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.757.248.700)	(20.765.208.235)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		24.880.823.229	(1.996.656.165)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		50.000.000	50.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.19	1.884.190.317	1.064.853.214
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.934.190.317	1.114.853.214
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		26.815.013.546	(881.802.951)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	22.811.565.297	23.693.368.248
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	49.626.578.843	22.811.565.297

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc phụ trách

Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước



Phạm Ngọt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2019 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một Thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

Lĩnh vực hoạt động : Công ích, ngoài công ích và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Công ty đang thực hiện các hoạt động chính như sau:

*** Hoạt động công ích**

- Quản lý khai thác các công trình thủy lợi;
- Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt.

*** Hoạt động ngoài công ích**

- Thi công sửa chữa, xây dựng các công trình thủy lợi, dân dụng; Tổ chức đội thi công thực hiện tu bổ, sửa chữa thường xuyên, cải tạo nâng cấp các công trình thủy lợi bằng nguồn vốn thủy lợi phí hoặc ngân sách cấp theo kế hoạch hàng năm.
- Thiết kế các công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp có quy mô vừa, nhỏ; Quản lý đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi;
- Cung cấp nước cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ ngoài công ích.

Cấu trúc Công ty

Công ty là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoạt động theo mô hình Chủ tịch Công ty.

Cơ cấu tổ chức Công ty gồm có Chủ tịch công ty, Ban giám đốc, Kiểm soát viên chuyên trách và Kiểm soát viên không chuyên trách; 01 bộ phận Khối văn phòng gồm 04 phòng chuyên môn; 01 Ban kiểm soát nội bộ; 07 đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn 7 Huyện, Thành phố thực hiện quản lý điều tiết cung cấp nước phục vụ dân sinh kinh tế trên địa bàn trong và ngoài Tỉnh Ninh Thuận.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2019

Các Trạm Thủy nông là đơn vị phụ thuộc Công ty, bao gồm:

1. Trạm Thủy nông Ninh Phước

- Địa chỉ: Khu phố 5, Thị trấn Phước Dân, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0001

2. Trạm Thủy nông Ninh Hải

- Địa chỉ: Thôn Gò Sạn, Xã Bắc Phong, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0005

3. Trạm Thủy nông Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm

- Địa chỉ: Số 28, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Mỹ Bình, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0002

4. Trạm Thủy nông Thuận Bắc

- Địa chỉ: Xã Lợi Hải, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0003

5. Trạm Thủy nông Ninh Sơn

- Địa chỉ: Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0004

6. Trạm Thủy nông Bác Ái

- Địa chỉ: Xã Phước Đại, Huyện Bác Ái, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0006

7. Trạm Thủy nông Thuận Nam

- Địa chỉ: Xã Phước Nam, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0007

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quý, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2019

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp: Kế khai thường xuyên.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

3203
CƠ
KI
HÀ
-CH
TÀI
HỒ
2-T

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2019

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc và thiết bị	10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10
- Tài sản cố định khác	5 – 10
- Các Công trình thủy lợi: Hồ đập, đê, kênh,...	Không khấu hao

6. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

7. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;

Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

8. Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc nhà thầu thầu nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2019

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Là số vốn đầu tư của Nhà nước.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi; Quỹ Khen thưởng Ban điều hành quản lý) được trích lập và sử dụng theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Điều lệ, Quy chế tài chính của công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Quyết định của Chủ tịch Công ty hàng năm sau khi có Văn bản thống nhất thông qua phương án trích lập các quỹ của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

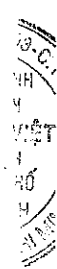
- ❖ ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu từ việc cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi gồm:***

Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được nhà nước hỗ trợ là khoản doanh thu được ngân sách cấp hỗ trợ do việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích cho các đối tượng được thuộc diện được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt quyết toán diện tích và kinh phí được dựa trên cơ sở nghiệm thu diện tích thực tế mà Công ty cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp của người dân theo hợp đồng tưới và nghiệm thu thanh lý diện tích.

Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi thuộc diện không được nhà nước hỗ trợ là khoản tiền thực tế đã thu được trong năm theo hợp đồng và thanh lý hợp đồng tưới nước phục vụ sản xuất nông nghiệp với các tổ chức hợp tác dùng nước không thuộc đối tượng được nhà nước hỗ trợ.

- ❖ ***Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác***

Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác là việc cung cấp nước thô cho nhà máy nước sinh hoạt sản xuất nước sạch, các nhà máy sản xuất nước công nghiệp là khoản tiền được khách hàng chấp nhận thanh toán theo biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng.



CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2019

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể.
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

13. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Năm 2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

ĐVT: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	169.701.652	85.786.255
- Tiền gửi ngân hàng	1.456.877.191	1.725.779.042
- Các khoản tương đương tiền	48.000.000.000	21.000.000.000
Cộng	49.626.578.843	22.811.565.297

Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại; lãi suất dao động từ 4.1%/năm đến 5%/năm; nhận lãi khi đáo hạn.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Sở tài chính Tỉnh Ninh Thuận (*)	8.480.678.000	8.411.704.199
- Công ty CP cấp nước Ninh Thuận	1.395.000.000	1.395.000.000
- Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	480.618.900	-
- BQL dự án khai thác công trình thủy lợi	-	262.138.460
- Các đối tượng khác	29.594.880	5.644.800
Cộng	10.385.891.780	10.074.487.459

(*) Khoản tiền cấp bù do miễn thủy lợi phí nay gọi là kinh phí được hỗ trợ từ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi công ích trên địa bàn Tỉnh Ninh Thuận do Ngân sách Trung ương cấp thông qua cơ quan đại diện quản lý tài chính tại địa phương là Sở Tài chính Tỉnh Ninh Thuận.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Dũng	13.167.765	13.167.765
- Công ty CP thiết kế và xây dựng DCJ	11.404.462	-
- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt	10.890.000	10.890.000
- Các khoản trả trước khác	209.896	-
Cộng	35.672.123	24.057.765

4. Phải thu ngắn hạn khác

- Tạm ứng	64.500.000	20.500.000
- Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn	133.241.096	47.073.819
- Các khoản phải thu khác	23.745.688	22.799.307
Cộng	221.486.784	90.373.126

5. Hàng tồn kho

57.039.976

64.859.972

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ là nguyên vật liệu dùng sửa chữa, bảo trì công trình thủy lợi.

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

- Số đầu năm	53.123.334	-
- Tăng trong năm	85.605.400	157.718.000
- Phân bổ vào chi phí trong năm	(89.525.718)	(104.594.666)
Số cuối năm	49.203.016	53.123.334

7. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	172.729.421
- Thuế Thu nhập cá nhân nộp thừa	8.424.507	-
Cộng	8.424.507	172.729.421

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2019

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Công trình thủy lợi (**)	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá								
- Số đầu năm		25.386.725.349	806.040.281	2.189.277.792	554.540.400	2.091.906.511.415	78.000.000	2.120.921.095.237
- Tăng trong năm (*)		-	-	-	-	3.429.627.138	-	3.429.627.138
- Số cuối năm		25.386.725.349	806.040.281	2.189.277.792	554.540.400	2.095.336.138.553	78.000.000	2.124.350.722.375
Giá trị hao mòn								
- Số đầu năm		9.026.018.588	445.897.780	2.078.360.792	490.954.733	51.211.197.927	41.670.000	63.294.099.820
- Khấu hao trong năm		1.068.179.880	35.452.204	84.250.000	44.985.666	-	14.330.000	1.247.197.750
- Số cuối năm		10.094.198.468	481.349.984	2.162.610.792	535.940.399	51.211.197.927	56.000.000	64.541.297.570
Giá trị còn lại								
- Tại ngày đầu năm		16.360.706.761	360.142.501	110.917.000	63.585.667	2.040.695.313.488	36.330.000	2.057.626.995.417
- Tại ngày cuối năm		15.292.526.881	324.690.297	26.667.000	18.600.001	2.044.124.940.626	22.000.000	2.059.809.424.805
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng								
- Tại ngày đầu năm		380.113.798	370.082.855	1.219.277.792	385.170.400	-	-	2.354.644.845
- Tại ngày cuối năm		380.113.798	300.252.855	1.219.277.792	210.500.400	-	-	2.110.144.845

(*) Điều chỉnh theo Văn bản 1388/STC-QLGCSĐT ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Sở tài chính Tỉnh Ninh Thuận về việc "xác định giá trị còn lại các trạm bơm để Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy Lợi ghi tăng tài sản theo quy định" và Văn bản 2425/UBND-KTTH ngày 11 tháng 6 năm 2019 của UBND Tỉnh Ninh Thuận về việc "thống nhất giá trị còn lại của các trạm bơm trên địa bàn Huyện Ninh Phước để thực hiện việc ghi tăng tài sản cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy Lợi", đồng thời ghi tăng nguồn Vốn chủ sở hữu tại Công ty (tham chiếu thuyết minh số V16.1)

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬNThuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2019

(**) Các công trình thủy lợi là các hồ, đập, kênh thủy lợi, đê kè..... Tài sản này do Nhà nước giao quản lý theo các Quyết định của UBND Tỉnh Ninh Thuận là các tài sản cố định không khấu hao.

9. Chi phí trả trước dài hạn

- Số đầu năm	258.042.861	384.154.424
- Tăng trong năm	249.073.001	267.680.000
- Phân bổ vào chi phí trong năm	(247.375.472)	(393.791.563)
- Số cuối năm	259.740.390	258.042.861

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Viện đào tạo và ứng dụng miền trung	922.737.081	916.756.538
- Công ty TNHH Xây dựng Quảng Thịnh Phát	841.957.347	39.460.000
- Công ty TNHH Đạt Thịnh Thành	730.111.003	106.792.687
- Sở Tài chính Tỉnh Ninh Thuận	677.530.444	662.465.041
- Công ty TNHH Tư vấn xây dựng CIC	456.042.930	58.171.499
- Phùng Quốc Trung	345.201.500	274.790.803
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Trung Thuận Phát	314.298.493	-
- Nguyễn Văn Bội	301.521.434	698.591.289
- Dương Văn Vĩnh	291.961.370	201.729.863
- Nguyễn Đại Nghĩa	191.403.196	159.087.268
- Công ty CPTVĐT và XD Sao Mai ARCH	183.195.586	164.427.874
- Công ty TNHH Tư vấn XD An Lộc Ninh Thuận	173.423.177	113.710.235
- Công ty TNHH Thương mại và XD Tân Phát	158.585.569	224.252.771
- Phùng Đình Thanh	149.540.000	211.540.350
- Phạm Diệp Hòa	130.354.784	130.942.633
- Nguyễn Vĩnh Phúc	88.515.026	283.457.438
- Công ty TNHH Tư vấn XD Hưng Thịnh	75.807.135	408.682.389
- Công ty TNHH Châu An	71.757.000	190.192.000
- Công ty TNHH Long Vĩnh	64.212.158	488.968.346
- Công ty TNHH Phú Bình	47.991.053	392.120.053

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬNThuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2019

- Công ty CP ĐTXD và XL Điện Lộc Phát	1.695.849	121.277.485
- Công ty TNHH XD An Nguyên	1.162.675	312.457.675
- Công ty TNHH Xây dựng TBT	-	407.593.000
- Công ty TNHH Ninh Phát	-	224.706.016
- Công ty TNHH XD Trường Hùng	-	123.789.573
- Công ty TNHH Xây dựng Thiên Sinh	-	115.560.499
- Phải trả cho các đối tượng khác	862.178.248	3.201.230.312
Cộng	7.081.183.058	10.232.753.637

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	89.785.957	887.953.797	885.988.139	91.751.615
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(172.729.421)	1.901.940.488	850.000.000	879.211.067
- Thuế Thu nhập cá nhân	1.319.705	63.585.403	73.329.615	(8.424.507)
- Thuế Tài nguyên	44.549.430	431.132.790	429.349.760	46.332.460
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	106.738.488	106.738.488	-
- Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	(37.074.329)	3.394.350.966	2.348.406.002	1.008.870.635

Trong đó

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	135.655.092			1.017.295.142
- Thuế TNDN nộp thừa	(172.729.421)			(8.424.507)

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

+ Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	:	Không chịu thuế
+ Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác	:	5%
+ Các hoạt động khác	:	10%

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi bao gồm cả việc cung cấp cho các đối tượng được nhà nước hỗ trợ và không thuộc diện được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

Đối với thu nhập từ việc cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác là cung cấp nước thô cho các nhà máy sản xuất nước sạch và phục vụ cho sản xuất khác, Công ty thực hiện tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định là 20%. Do không tách được chi phí từ việc cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác nên Công ty thực hiện phân bổ chi phí theo tiêu thức doanh thu đối với cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế đối với các hoạt động khác.

Thuế Tài nguyên

Thuế Tài nguyên được tính cho việc sử dụng nước thiên nhiên (nước mặt). Cách xác định thuế tài nguyên nước:

Khối lượng nước sử dụng (m³) x Giá tính thuế x Thuế suất

❖ Giá tính thuế tài nguyên

Giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên là nước mặt (Áp dụng bảng quy định giá tối thiểu tính thuế tài nguyên theo Quyết định số 92/2017/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của UBND Tỉnh Ninh Thuận).

Nước dùng cho sản xuất nước sạch : 2.000 đồng/m³

Nước phục vụ sản xuất dùng cho các mục đích khác: 3.000 đồng/m³

❖ Thuế suất thuế tài nguyên

Nước dùng cho sản xuất nước sạch: 1%

Nước phục vụ sản xuất dùng cho các mục đích khác: 3%

Tiền thuê đất

- Tiền thuê đất phải nộp xác định theo Hợp đồng thuê đất số 17/KI//HĐ-TĐ ngày 28/11/2012 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân Tỉnh Ninh Thuận.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Năm 2019

- Thông báo số 1619/TB-CT ngày 29/4/2016 của Cục Thuế Tỉnh Ninh Thuận về đơn giá tiền thuê đất, thuê mặt nước, Công ty sẽ áp dụng đơn giá thuê đất là 24.000 Đồng/m²/năm ổn định từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2020. Tiền thuê đất mỗi năm phải nộp là 103.629.600 Đồng/năm.

Thuế Thu nhập cá nhân

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

12. Phải trả người lao động

- Tiền lương còn lại phải trả của Người quản lý	411.547.610	224.868.752
- Tiền lương còn lại phải trả của Người lao động	3.412.342.421	3.094.265.398
Cộng	3.823.890.031	3.319.134.150

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

- Phí kiểm toán báo cáo tài chính	36.300.000	36.300.000
- Trích trước chi phí tu sửa công trình phát sinh trong năm (*)	19.637.711.527	-
Cộng	19.674.011.527	36.300.000

- (*) Chi phí thực hiện tu sửa, nạo vét công trình để đảm bảo khơi thông dòng chảy phục vụ tưới tiêu cho các diện tích đã được vào sử dụng trong năm trong năm 2019, các chi phí này đã được các đơn vị thi công thực hiện và hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm nhưng chưa thực hiện ký hợp đồng do có sự chưa thống nhất xuất phát từ quản lý nội bộ trong doanh nghiệp. Công ty đã gửi các văn bản kiến nghị hướng xử lý vụ việc có liên quan đến thẩm quyền trong việc ký kết hợp đồng cho chủ sở hữu Công ty là UBND Tỉnh Ninh Thuận. Đến thời điểm 31/12/2019 do chưa nhận được kết luận chính thức nên Công ty tạm thời hạch toán vào khoản chi phí phải trả. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của UBND Tỉnh thì Công ty sẽ thực hiện theo thẩm quyền của các văn bản, ký kết hợp đồng và chi trả cho các đơn vị đã thi công.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

14. Phải trả ngắn hạn khác

- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.306.200	2.910.000
- Thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách	13.191.144	6.425.280
- Trợ cấp tai nạn phải trả cho người lao động	-	138.972.168
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng MK Việt Nam (*)	763.800.000	-
- Công ty TNHH Khang Thịnh Ninh Thuận(*)	82.400.000	-
- Công ty TNHH Long Vĩnh (*)	123.200.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	93.908.307	-
Cộng	1.081.805.651	148.307.448

(*) Chi phí bảo hành liên quan đến công trình đã thực hiện tu sửa được Công ty tạm giữ trong vòng 12 tháng, chưa thanh toán cho các đơn vị thi công.

15. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ Khen thưởng (*)	2.671.796.776	3.171.200.333	(499.403.557)
- Quỹ Phúc lợi	2.711.719.159	1.739.828.900	971.890.259
- Quỹ khen thưởng Người quản lý	24.247.912	-	24.247.912
Cộng	5.407.763.847	4.911.029.233	496.734.614

(*) Chi khen thưởng cho người lao động của Công ty. Việc trích lập quỹ chưa thực hiện do chưa được UBND Tỉnh thông qua phương án trích lập và phân phối lợi nhuận của năm 2018.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2019

16. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
16.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.063.731.273.746	4.557.447.174	-	2.068.288.720.920
16.2	Quỹ Đầu tư phát triển	2.122.741.854	-	1.127.820.036	994.921.818
16.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.864.188.313	13.099.440.078	-	17.963.628.391
16.4	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	31.271.072	-	-	31.271.072
	Cộng	2.070.749.474.985	17.656.887.252	1.127.820.036	2.087.278.542.201

16.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tăng trong năm từ các nguồn sau:

-	Quỹ đầu tư phát triển (*)	1.127.820.036
-	Nhận tài sản cố định hữu hình bàn giao (**)	3.429.627.138
	Cộng	4.557.447.174

(*) Ghi nhận theo nội dung tại Tờ Trình số 3167/TTr-STC ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Sở tài chính Tỉnh Ninh Thuận về việc "phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung tăng mức vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận" và văn bản số 5289/UBND-KTTH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của UBND Tỉnh Ninh Thuận về việc "chấp thuận phương án điều chỉnh, bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận".

Cho đến cuối năm 2019, Công ty đang thực hiện các thủ tục báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu để quyết định điều chỉnh lại mức vốn thực góp trên Giấy đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp như quy định tại Khoản 03, Điều 01, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018.

(**) Nhận thêm tài sản cố định là các trạm bơm (tham chiếu thuyết minh số V.8)

16.2 Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển giảm trong năm là do chuyển sang Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Năm 2019

16.3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	4.864.188.313	5.377.353.309
- Phân phối lợi nhuận của năm trước	-	(5.377.353.309)
+ Quỹ Đầu tư phát triển	-	(311.872.916)
+ Quỹ Khen thưởng	-	(3.365.584.935)
+ Quỹ Phúc lợi	-	(1.442.393.544)
+ Quỹ Khen thưởng Người Quản lý	-	(257.501.914)
- Lợi nhuận năm trước chuyển năm nay	4.864.188.313	-
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	13.099.440.078	4.864.188.313
- Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển năm sau	<u>17.963.628.391</u>	<u>4.864.188.313</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu cung sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác	17.769.115.683	17.596.928.880
- Doanh thu phải thu tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	474.907.084	364.551.808
- Doanh thu được ngân sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	62.792.699.000	53.625.359.000
Cộng	<u>18.036.721.767</u>	<u>71.586.839.688</u>
18. Giá vốn hàng bán	62.664.506.278	61.778.529.918
Giá vốn cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi		

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Năm 2019

19. Doanh thu hoạt động tài chính	2.017.431.413	1.111.927.033
Lãi tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại.		
20. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	3.258.062.716	3.154.723.198
- Chi phí vật liệu quản lý	97.266.951	98.969.544
- Chi phí đồ dùng văn phòng	196.617.073	292.747.380
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	288.537.985	318.139.652
- Thuế, phí và lệ phí	132.799.588	144.747.388
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	418.880.905	336.766.831
- Chi phí bằng tiền khác	1.301.542.749	1.542.331.283
Cộng	5.693.707.967	5.888.425.276
21. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
- Thu do điều chỉnh giảm chi phí phải trả các công trình năm trước theo quyết định phê duyệt quyết toán.	338.066.800	342.741.129
- Thu nhập khác	3.770.314	9.235.248
Cộng	341.837.114	351.976.377
22. Chi phí khác		
- Điều chỉnh quyết toán các công trình năm trước	36.070.789	4.856.070
- Vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế	-	4.477.160
- Các khoản chi phí khác	324.694	-
Cộng	36.395.483	9.333.230

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Năm 2019

23. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.001.380.566	5.374.454.674
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	20.103.360.112	71.292.149
+ Chi phí tu sửa công trình phát sinh trong năm (thuyết minh số V.13)	19.637.711.527	-
+ Các chi phí không được trừ khác	465.648.585	71.292.149
- Tổng thu nhập chịu thuế	35.104.740.678	5.445.746.823
<i>Trong đó</i>		
+ Thu nhập được miễn thuế TNDN	25.595.038.238	3.005.885.066
+ Thu nhập từ hoạt động khác	9.509.702.440	2.439.861.757
- Thuế suất thuế TNDN (hoạt động khác)	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.901.940.488	487.972.351
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước	-	22.294.010
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.901.940.488</u>	<u>510.266.361</u>

24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.665.428.083	3.751.440.240
- Chi phí nhân công	30.674.002.458	31.830.275.316
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.247.197.750	1.291.933.376
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.641.326.114	25.156.355.575
- Chi phí khác bằng tiền	5.166.655.323	5.646.283.917
Cộng	<u>68.394.609.728</u>	<u>67.676.288.424</u>

VII. THÔNG TIN CHO NHỮNG KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã ghi tăng vốn đầu tư của chủ sở (thuyết minh số V.16.1) bao gồm giá trị tài sản cố định được bàn giao từ Ủy ban nhân dân Tỉnh Ninh Thuận 3.429.627.138 và từ nguồn vốn Quỹ đầu tư phát triển chuyển sang 1.127.820.036 Đồng.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2019

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các khoản kinh phí được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi

Trong năm 2019, Doanh thu được Nhà nước hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi Công ty tính trên cơ sở các Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND Tỉnh Ninh Thuận phê duyệt diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi theo từng biện pháp tưới nước, tiêu nước theo từng hệ thống công trình thủy lợi do Công ty quản lý; và Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt quyết toán kinh phí được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích cho Công ty năm 2019 là 62.792.699.000 Đồng.

❖ Tình hình cấp kinh phí được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trong năm 2019

- Số kinh phí hỗ trợ năm 2019 theo quyết toán	:	(a)	62.792.699.000 Đồng
- Số kinh phí hỗ trợ được cấp năm 2019	:	(b)	54.312.021.000 Đồng
- Số kinh phí hỗ trợ của năm 2019 còn thiếu	:	(a-b)	8.480.678.000 Đồng

2. Thông tin về quỹ tiền lương 2019

Việc quyết toán quỹ tiền lương của người quản lý và thủ lao của Kiểm soát viên không chuyên trách Công ty căn cứ theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; đã được Hội đồng thẩm định tiền lương Tỉnh Ninh Thuận thông qua theo Biên bản họp ngày 13/02/2020 và Văn bản số 589/UBND-TH ngày 02/3/2020 của UBND Tỉnh Ninh Thuận về việc thống nhất quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của người quản lý Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận. Tổng quỹ lương thực hiện của người quản lý năm 2019 là 1.960.465.847 Đồng. Tổng quỹ thủ lao thực hiện của kiểm soát viên không chuyên trách năm 2019 là 59.073.384 Đồng.

Tiền lương của người lao động thực hiện theo Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; đã được Hội đồng thẩm định tiền lương tỉnh thông qua theo Biên bản họp ngày 13/02/2020; Căn cứ theo quyết định số 31/QĐ-CT ngày 20/02/2020 của Chủ tịch Công ty về việc phê duyệt quyết toán tổng quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2019 là 18.148.048.629 Đồng.

10209
CÔNG
NH
H
-CH
TÀI T
KẾ L
2-71

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2019

3. Thông tin về khoản thu được ngân sách nhà nước cấp để thực hiện tu sửa các dự án, công trình trong năm 2019

Công ty được UBND tỉnh giao vốn làm chủ đầu tư để thực hiện thi công tu sửa, nạo vét 06 công trình. Trong năm 2019, số phát sinh thanh toán cho các đơn vị thi công là 15.829.744.486 Đồng. Sau khi công trình nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng, Công ty tiếp tục thực hiện công tác quyết toán theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng cơ bản.

Đối với nguồn vốn cấp qua kho bạc do Công ty làm chủ đầu tư là đơn vị trung gian để quản lý và thanh toán nguồn vốn cho các đơn vị thi công nên Công ty hạch toán thu chi theo số thực cấp trong năm tài chính năm 2019. Do đó các tài khoản theo dõi thuộc nguồn ngân sách cấp không có số dư.

4. Văn bản pháp lý có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Văn bản luật sau đây ảnh hưởng chính đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2019

- Luật thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2018;
- Nghị định số 62/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi;
- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi;
- Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;
- Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước (thay thế Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi).
- Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính ban hành về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020.
- Thông Tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi.
- Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND Tỉnh Ninh Thuận quy định giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2019-2020.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2019

- Nghị Quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Ninh Thuận đã thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Tỉnh Ninh Thuận;
- Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính về thuế Thu nhập doanh nghiệp, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính về thuế Thu nhập cá nhân.

Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc phụ trách



Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước

Phạm Ngọt